

Bản án số: **42/2019/HSST**
Ngày 30/8/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP -TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bích Lài,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Tường.

Ông Vi Văn Bốn.

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Văn Đông, Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh hợp, tỉnh Nghệ an.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Hào, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/TLST-HSST ngày 22 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vi Văn M., tên gọi khác: không.

Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1997 tại huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Bản Ch, xã Ch.H, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Vi Văn Th. (đã chết) và bà Lữ Thị K.

Vợ: Trương Thị K. và 01 người con.

Nhân thân: Tại Bản án số 446/2014/HSST ngày 28/11/2014, Toà án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã xử phạt Vi Văn Mạnh 18 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Tại Quyết định số 15/2019/QĐ-TA ngày 29/1/2019, Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà nội đã Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Vi Văn M, thời gian 24 tháng.

Tiền án: Không.

Bắt tạm giam: Từ ngày 08 tháng 5 năm 2019 đến nay.

(Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn M: Ông Nguyễn Thái Quỳnh, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

Những người bị hại:

- Anh Vi Văn L, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Bản N, xã Ch. H, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Bản Nh, xã Ch. C, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Sầm Văn H, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Bản Nh, xã Ch. C, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Trí Nh, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Khối B. H, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

Người làm chứng: Anh Sầm Văn Gi, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Bản Nh, xã Ch. C, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất:

Vào đêm ngày 06/1/2019, Vi Văn M. cùng anh Vi Văn L. đến ngủ tại nhà anh Lô Văn A. ở bản M, xã Ch. Q, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Khi anh L. đang ngủ, M. kiểm tra ví da của anh L. rồi lấy chứng minh nhân dân, đăng ký xe mô tô BKS 37F1-111.30 (đều mang tên anh Vi Văn L.) với ý định sẽ chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh L.

Khoảng 07 giờ ngày 07/1/2019, khi anh L. ngủ dậy, M. vờ hỏi mượn xe mô tô của anh L. để đi đón bạn. Mượn được xe, M. đưa xe đến cầm cố cho cửa hàng của ông Nguyễn Trí Nh. ở xóm H. Th, xã Ch. Q., huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An với tên Vi Văn L. để lấy số tiền 3.000.000đ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, M. gặp anh Sầm Văn Gi., M. nói với anh Gi. là M. có chiếc xe mô tô của chị gái hiện đã cầm cố và muốn bán. Anh Gi. nói với bố là ông Sầm Văn H., ông H. đồng ý mua chiếc xe nói trên với giá 7.000.000đ. Ông H. đã giao trước cho M. số tiền 6.000.000đ, M. cầm tiền đến chuộc lại xe giao cho anh Gi. Hiện xe mô tô đã được Cơ quan điều tra thu giữ và trả lại cho anh Vi Văn L.

Xe mô tô mà Vi Văn M. chiếm đoạt của anh Vi Văn L. là xe nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, BKS 37F1-111.30, số khung C6J0FY144196, số máy 5C6J144196, xe màu trắng.

Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 10/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Quỳnh Hợp kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 37F1-111.30 có trị giá là 12.500.000đ.

Vụ thứ hai:

Khoảng 08 giờ ngày 10/1/2019, Vi Văn M. đến nhà anh Nguyễn Văn Đ. ở bản N., xã Ch. C., huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An chơi rồi ngủ nhờ tại đó. Khoảng 11 giờ cùng ngày, khi anh Đ. đang ngủ, M. lấy chìa khoá xe và đăng ký xe của anh Đ., sau đó sang nhà đối diện nơi anh Đ. đang để xe mô tô BKS 29X5-169.03 của anh Đ. ở đó rồi lấy trộm xe mô tô nói trên. Trộm được xe, M. đưa đến cửa hàng của ông Nguyễn Trí Nh. ở xóm H. Th., xã Ch. Qu., huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An cầm cố được số tiền 4.000.000đ. Lúc cầm cố xe, M. dùng chứng minh nhân dân tên Vi Văn L., xưng tên mình là L. và giao đăng ký xe mô tô của anh Đ. cho ông Nguyễn Trí Nh.

Xe mô tô nói trên hiện đã được Cơ quan điều tra thu giữ và trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ.

Xe mô tô mà Vi Văn M. chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn Đ. là xe nhãn hiệu YAMAHA, loại NOUVO, BKS 29X5-169.03, số khung P110AY222741, số máy 5P11-22273, xe màu trắng – đen.

Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 10/4/2019 của Hội đồng định giá UBND huyện Quỳnh Hợp kết luận: Xe mô tô BKS 29X5-169.03 có trị giá 12.000.000đ.

Sau khi thực hiện các hành vi phạm tội, Vi Văn M. trốn khỏi địa phương. Ngày 29/1/2019, Vi Văn M. bị Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng tại Cơ sở cai nghiện số 4 thuộc xã Yên Bài, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Ngày 08/5/2019 Vi Văn M. được tạm thời đưa ra khỏi cơ sở cai nghiện và bị áp dụng biện pháp tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Vi Văn L. và anh Nguyễn Văn Đ. – những người bị Vi Văn M. chiếm đoạt xe mô tô đều đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trả lại tài sản, anh L. và anh Đ. đều không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ông Nguyễn Trí Nh., người đã cho Vi Văn M. cầm cố chiếc xe mô tô BKS 29X5-169.03 với số tiền 4.000.000đ, nay chiếc xe đã được Cơ quan điều tra thu hồi giao trả cho chủ sở hữu, ông Nh. yêu cầu M. phải hoàn lại số tiền 4.000.000đ.

Ông Sầm Văn H., người đã mua chiếc xe mô tô BKS 37F1-111.30 tại Vi Văn M. với số tiền đã giao là 6.000.000đ, nay chiếc xe đã được Cơ quan điều tra thu hồi giao trả cho chủ sở hữu, ông H. yêu cầu M. phải hoàn trả số tiền 6.000.000đ.

Hiện Vi Văn M. chưa thực hiện trách nhiệm dân sự đối với ông Nh., ông H.

Bản Cáo trạng số 39/CT-VKS-HS ngày 21/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp - tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Vi Văn M. về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173, khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt Vi Văn M. từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 điều 174; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS 2015, xử phạt Vi Văn M. từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung buộc Vi Văn M. phải chấp hành từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc Vi Văn M. phải hoàn trả cho ông Nguyễn Trí Nh. 3.600.000đ, ông Sầm Văn H. 6.000.000đ do M. đã lừa dối, bán/cầm cố tài sản do phạm tội mà có cho ông Nh., ông H.

Người bào chữa cho Vi Văn M. đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt Vi Văn M. từ 7 tháng tù đến 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; từ 7 tháng tù đến 9 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Buộc Vi Văn M. phải hoàn trả số tiền đã lừa dối bán tài sản do phạm tội mà có cho ông Nguyễn Trí Nh., ông Sầm Văn H.

Nói lời sau cùng tại phiên toà, bị cáo Vi Văn M. nhận tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập tại hồ sơ vụ án, xác định được:

Đêm ngày 06/1/2019, do muốn chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Vi Văn L., nên lợi dụng lúc anh L. đang ngủ, M. lấy các giấy tờ tùy thân của anh L. như Chứng minh nhân dân, Đăng ký xe mô tô BKS 37F1-111.30. Khoảng 7 giờ ngày 07/1/2019, M. nói dối anh L. là mượn xe đi đón bạn. Được anh L. đồng ý, M. đã đưa xe đến cầm cố cho ông Nguyễn Trí Nh. (với tên Vi Văn L.) lấy số tiền 3.000.000đ. Theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản, thì chiếc xe mô tô BKS 37F1-111.30 của anh Vi Văn L. có trị giá 12.500.000đ.

Vi Văn M. chiếm đoạt xe mô tô của anh Vi Văn L. bằng thủ đoạn gian dối (nói dối anh L. là đi đón bạn), nên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm quy định tại điều 174 BLHS 2015.

Tiếp đó, ngày 10/1/2019, Vi Văn M. đến chơi rồi ngủ nhờ tại nhà anh Nguyễn Văn Đ. Lợi dụng lúc anh Đ. đang ngủ, M. đã lấy chìa khoá xe và đăng ký xe của anh Đ. rồi trộm chiếc xe mô tô BKS 29X5-169.03 của anh Đ. đem đến cầm cố cho ông Nguyễn Trí Nh. (với tên Vi Văn L.) lấy số tiền 4.000.000đ. Theo

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản, thì chiếc xe mô tô BKS 29X5-169.03 của anh Nguyễn Văn Đạt có trị giá 12.000.000đ.

Hành vi của Vi Văn M. lén lút đối với chủ sở hữu để chiếm đoạt chiếc xe mô tô nói trên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm quy định tại điều 173 BLHS 2015.

Ông Nguyễn Trí Nh., ông Sầm Văn H. là những người đã mua/cho cầm cố xe mô tô do Vi Văn M. phạm tội mà có. Song quá trình giao dịch mua bán, ông Nh., ông H. đều không biết được đó là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Nh., ông H.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Vi Văn M. là đối tượng có nhân thân xấu, song bị cáo không có ý thức tự cải tạo, tu dưỡng để sống có ích mà tiếp tục phạm tội bằng thủ đoạn “ngủ nhờ” rồi lừa đảo và trộm cắp tài sản của người khác. Chỉ trong thời gian ngắn, bị cáo đã 02 lần phạm tội, trị giá tài sản đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là 12.500.000đ; trị giá tài sản đối với tội “Trộm cắp tài sản” là 12.000.000đ. Do đó, cần xem xét để xử phạt bị cáo mức án nghiêm theo quy định tại khoản 1 điều 173, khoản 1 điều 174 BLHS 2015. Đồng thời, cần áp dụng quy định tại điều 55 BLHS 2015 để tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Những người bị hại trong vụ án gồm anh Vi Văn L., Nguyễn Văn Đ. đều đã nhận lại tài sản là xe mô tô do bị cáo chiếm đoạt, nay anh L., anh Đ. không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Trí Nh., ông Sầm Văn H. là những người mua/cho cầm cố xe mô tô do Vi Văn M. phạm tội mà có. Xác định giao dịch giữa Vi Văn M. với ông Nguyễn Trí Nh., ông Sầm Văn H. là giao dịch vô hiệu. Nay xe mô tô đã được Cơ quan điều tra thu hồi giao trả cho các chủ sở hữu, ông Nh., ông H. có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã giao cho bị cáo để mua xe. Do đó, cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự để buộc Vi Văn M. phải hoàn toàn bộ số tiền đã nhận do bán/cầm cố xe mô tô cho ông Nh., ông H.

Hồ sơ vụ án thể hiện Vi Văn M. cầm cố cho ông Nguyễn Trí Nh. xe mô tô BKS 29X5-169.03 để lấy số tiền 4.000.000đ. Qua tranh tụng tại phiên tòa, ông Nh. thừa nhận chỉ giao cho M. số tiền 3.600.000đ, “cất lãi” 400.000đ. Do đó, cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông Nh. số tiền 3.600.000đ.

Số tiền bị cáo nhận từ ông Sầm Văn H. xác định là 6.000.000đ, nên cần buộc bị cáo phải hoàn trả đủ cho ông H.

[5] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo năm 2019, nên bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn M. phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 điều 173; khoản 1 điều 174; điểm s khoản 1 điều 51; điều 55 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt Vi Văn M. 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **30 (ba mươi)** tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 08/5/2019).

2. Trách nhiệm dân sự:

+ Căn cứ điều 127, 131 Bộ luật Dân sự:

Buộc Vi Văn M. phải hoàn trả cho ông Nguyễn Trí Nh. số tiền **3.600.000đ** (ba triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn); hoàn trả cho ông Sầm Văn H. số tiền **6.000.000đ** (sáu triệu đồng chẵn).

3. Án phí: Áp dụng điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Miễn nộp tiền án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo Vi Văn M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vắng mặt những người bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với những người vắng mặt có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Công an huyện Quỳnh Hợp;
- Cơ sở cai nghiện MT số 4 Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Lê Thị Bích Lài